TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG TÈ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 02/2024/QĐST-HNGĐ	*Mường Tè, ngày 04 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Quàng Văn B**,** sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Tự do.

- Bị đơn: Chị Lù Thị N, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Bản N, xã B, huyện M, tỉnh Lai Châu.

Nghề nghiệp: Trồng trọt.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Quàng Văn B và chị Lù Thị N

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Quàng Văn B và chị Lù Thị N thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Quàng Văn B và chị Lù Thị N có 02 con chung, anh

Quàng Văn B và chị Lù Thị N thỏa thuận, nhất trí chị Lù Thị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con Quàng Ngọc Hà L, sinh ngày 17/6/2014 và Quàng Thiên H, sinh ngày 02/4/2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Quàng Văn B được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở, trừ việc lợi dụng việc thăm nom con gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Quàng Văn B và chị Lù Thị N thỏa thuận, nhất trí anh Quàng Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

2.4. Về tài sản chung: Anh Quàng Văn B và chị Lù Thị N thỏa thuận, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.5. Về nợ chung: Anh Quàng Văn B và chị Lù Thị N thỏa thuận thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.6. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Quàng Văn B và chị Lù Thị N phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng, anh B và chị N thỏa thuận, thống nhất anh B chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 50% tương ứng với số tiền 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*, Được khấu trừ trong tổng số tiền 300.000đồng *(ba trăm nghìn đồng)* dự phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000703 ngày 17/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Hoàn trả lại cho anh Quàng Văn B số tiền 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí còn lại theo biên lai số 0000703, ngày 17/10/2024 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

<u>Nơi nhận</u>:
- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Mường Tè;
- THADS huyện Mường Tè;
- UBND xã Mường Pồn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Bình